

- *Chương sáu*
ÔN TẬP CUỐI NĂM

- 283.** a) 572 618 ; 572 619 ; 572 620 ; 572 621 ; 572 622.
b) 46 859 300 ; 46 859 301 ; 46 859 302 ; 46 859 303 ; 46 859 304.
c) 28 634 997 ; 28 634 998 ; 28 634 999 ; 28 635 000 ; 28 635 001.
(HS đọc số như cách đọc trong SGK)

- 284.** a) 5 280 670 ; 5 280 671 ; 5 280 672.
b) 70 800 994 ; 70 800 995 ; 70 800 996.
c) 99 999 998 ; 99 999 999 ; 100 000 000.

Đọc số : chẳng hạn 70 800 996 đọc là : bảy mươi triệu tám trăm nghìn chín trăm chín mươi sáu.

- 285.** a) 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; 6 ; 7 ; 8.
b) 6870 ; 6872 ; 6874 ; 6876 ; 6878.
c) 986713 ; 986715 ; 986717 ; 986719 ; 986721.
d) 720 ; 730 ; 740 ; 750 ; 760.
e) 60 000 000 ; 70 000 000 ; 80 000 000 ; 90 000 000.

Đọc số : tương tự như bài 284.

- 286.** a) 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 5 ; ...
b) 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; ...
c) 1 ; 3 ; 5 ; 7 ; 9 ; 11 ; 13 ; ...

Chú ý: Khi đọc mỗi dãy số trên, HS phải đọc dấu "..." là "vân vân" để chỉ dãy số còn kéo dài mãi.

- 287.** a) Đ ; b) S ; c) S ; d) Đ ; e) Đ ; g) Đ ; h) Đ.

- 288.** a) 20 000 ; b) 20 ; c) 2 000 000 ;
d) 200 000 000 ; e) 20 tỉ (tức là 20 000 000 000).

- 289.** Số lớn nhất là 987 643. Vậy khoanh vào C.

290. Số bé nhất là 5 050 505. Vây khoanh vào A.

291. a) $425\,496 < 425\,596$; b) $791\,325 > 791\,235$

c) $80808 + 1212 = 82020$

d) $989898 \times 3 < 989898 \times 5$ (Hai tích có thừa số thứ nhất bằng nhau và khác 0, tích nào có thừa số thứ hai lớn hơn thì tích đó lớn hơn).

e) $5555 \times 4 + 5555 = 5555 \times 5$ (vì $5555 \times 4 + 5555 = 5555 \times (4 + 1) = 5555 \times 5$).

292. a) Các số 253 967 ; 235 967 ; 253 679 ; 235 976 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là : 235 967 ; 235 976 ; 253 679 ; 253 967. Vây khoanh vào C.

b) 11 001 ; 10 110 ; 10 101 ; 10 011.

293. a)
$$\begin{array}{r} 68257 \\ + 17629 \\ \hline 85886 \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 95832 \\ - 47106 \\ \hline 48726 \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 1954 \\ \times 253 \\ \hline 5862 \\ 9770 \\ 3908 \\ \hline 494362 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 130050 \\ 02550 \\ 000 \\ \hline 425 \\ 306 \end{array}$$

e)
$$\begin{array}{r} 1942 \\ \times 204 \\ \hline 7768 \\ 3884 \\ \hline 396168 \end{array}$$

g)
$$\begin{array}{r} 19183 \\ 358 \\ 463 \\ 73 \\ \hline 78 \\ 245 \end{array}$$

 $19183 : 78 = 245 \text{ (dư } 73)$

h)
$$\begin{array}{r} 4278\phi\phi \\ 478 \\ 03 \\ \hline 95\phi\phi \\ 45 \end{array}$$

$427800 : 9500 = 45 \text{ (dư } 300)$

i)
$$\begin{array}{r} 1099 \\ \times 500 \\ \hline 549500 \end{array}$$

294. a) $9900 : 36 - 15 \times 11 = 275 - 165$
 $= 110$

$$\begin{aligned} \text{b) } 1036 + 64 \times 52 - 1827 &= 1036 + 3328 - 1827 \\ &= 4364 - 1827 \\ &= 2537 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c) } (15792 : 336) \times 5 + 27 \times 11 &= 47 \times 5 + 27 \times 11 \\ &= 235 + 297 \\ &= 532 \end{aligned}$$

295.

a	150	567	655	1500	10223
b	120	317	305	600	5204
a + b	270	884	960	2100	15427
a - b	30	250	350	900	5019

296. a) $m + n = n + m$;

$a \times b = b \times a$

b) $a + 0 = 0 + a = a$;

$a \times 1 = 1 \times a = a$

c) $(a + b) + c = a + (b + c)$; $(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

d) $35 \times 99 + 65 \times 99 = (35 + 65) \times 99 = 100 \times 99 = 9900$

e) $(84 + 16) \times 75 = 84 \times 75 + 16 \times 75$

$$= 6300 + 1200 = 7500$$

297. a) $25 + 69 + 75 + 11 = (25 + 75) + (69 + 11)$

$$= 100 + 80 = 180$$

b) $25 \times 989 \times 4 + 25 = (25 \times 4) \times 989 + 25$

$$= 100 \times 989 + 25$$

$$= 98900 + 25 = 98925$$

c) $64 \times 867 + 36 \times 867 = (64 + 36) \times 867$

$$= 100 \times 867 = 86700$$

d) $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10$

$$= (1 + 10) + (2 + 9) + (3 + 8) + (4 + 7) + (5 + 6)$$

$$= 11 + 11 + 11 + 11 + 11 = 11 \times 5 = 55$$

Nhận xét : Tổng của các số tự nhiên từ 1 đến 10 có 10 số hạng, cộng từng cặp hai số hạng như trên ta có 5 cặp, mỗi cặp có tổng bằng 11 nên tổng cần tìm là $11 \times 5 = 55$.

298. *HD* : Dựa vào nhận xét ở phần d) của bài 297 ta có thể nêu nhận xét sau đối với bài 298 :

- Các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 100 có 100 số, do đó có $100 : 2 = 50$ cặp gồm hai số hạng.

- Mỗi cặp hai số hạng đều có tổng bằng nhau và bằng 101 :

$$(1 + 100) + (2 + 99) + (3 + 98) + \dots + (50 + 51)$$

- Vậy tổng của các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 100 là :

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + \dots + 96 + 97 + 98 + 99 + 100 = 101 \times 50 = 5050$$

299. a) $x + 121 = 300$

$$x = 300 - 121$$

$$x = 179$$

b) $x - 354 = 246$

$$x = 246 + 354$$

$$x = 600$$

c) $800 - x = 490$

$$x = 800 - 490$$

$$x = 310$$

d) $x \times 36 = 540$

$$x = 540 : 36$$

$$x = 15$$

e) $x : 53 = 60$

$$x = 60 \times 53$$

$$x = 3180$$

g) $2040 : x = 85$

$$x = 2040 : 85$$

$$x = 24$$

300. a) Các số 9732 ; 4530 chia hết cho 2.

Các số 9732 ; 4530 ; 8361 ; 807 chia hết cho 3.

b) Các số 815 ; 4530 chia hết cho 5.

Số 8361 chia hết cho 9.

c) Các số 9732 ; 4530 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3.

d) Số 4530 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5.

e) Số 8361 vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9.

301. a) $\boxed{2}34$; $\boxed{5}34$; $\boxed{8}34$;
 b) $75\boxed{0}$;
 c) $2\boxed{4}3$;
 d) $8\boxed{3}1$; $8\boxed{6}1$;
 e) $8\boxed{0}1$; $8\boxed{9}1$.
302. HD : a) x phải là số tròn chục và $350 < x < 390$, nên x là các số : 360 ; 370 ; 380.
 b) Tương tự như trên, x là các số : 1950 ; 1960.
303. a) Có 4 học sinh cao 148cm.
 b) Có 9 học sinh cao 150cm.
 c) Có 6 học sinh cao 151cm và có 8 học sinh cao 152cm, nên có $6 + 8 = 14$ (học sinh) cao hơn 150cm.
 d) Có 8 học sinh cùng cao nhất lớp, mỗi học sinh đó đều có chiều cao là 152cm.
304. a) $\frac{1}{5}$ (một phần năm) ; b) $\frac{3}{8}$ (ba phần tám) ;
 c) $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) ; d) $\frac{7}{10}$ (bảy phần mười).
305. a) Bốn phần chín ; hai phần chín ; bảy phần chín.
 b) Tám phần mười một ; tám phần mười lăm ; tám phần mười chín.
306. Phân số $\frac{16}{20}$ bằng $\frac{4}{5}$.
307. Chẳng hạn :
- a) $\frac{16}{30}$; $\frac{24}{45}$; $\frac{32}{60}$; b) $\frac{12}{16}$; $\frac{15}{20}$; $\frac{18}{24}$.
- c) Có thể giải như sau :
- Ta có : $\frac{75}{120} = \frac{75 : 5}{120 : 5} = \frac{15}{24} = \frac{15 : 3}{24 : 3} = \frac{5}{8}$.

Vậy phân số $\frac{5}{8}$ bằng $\frac{75}{120}$ và có mẫu số bé nhất (vì là phân số tối giản).

- Hoặc nêu nhận xét, chẳng hạn : Phân số bằng $\frac{75}{120}$ mà có mẫu số

bé nhất phải là phân số tối giản sau khi rút gọn $\frac{75}{120}$, do đó :

$$\frac{75}{120} = \frac{75 : 15}{120 : 15} = \frac{5}{8}. \text{ Phân số cần tìm là } \frac{5}{8}.$$

308. a) $\frac{11}{15} < \frac{13}{15}$;

b) Quy đồng mẫu số của $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{9}$ được $\frac{27}{36}$ và $\frac{20}{36}$, mà $\frac{27}{36} > \frac{20}{36}$,

vậy $\frac{3}{4} > \frac{5}{9}$.

c) Tương tự như phần b) để có $\frac{8}{11} < \frac{8}{9}$; hoặc : hai phân số $\frac{8}{11}$ và $\frac{8}{9}$ có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn nên $\frac{8}{11} < \frac{8}{9}$.

d) Tương tự như phần b), chọn mẫu số chung là 60 để có $\frac{40}{60}$ và $\frac{50}{60}$, mà $\frac{40}{60} < \frac{50}{60}$ nên $\frac{8}{12} < \frac{25}{30}$; hoặc có thể rút gọn $\frac{8}{12}$ và $\frac{25}{30}$ để có $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{6}$ rồi chọn 6 là mẫu số chung để quy đồng mẫu số được $\frac{4}{6} < \frac{5}{6}$, do đó $\frac{8}{12} < \frac{25}{30}$.

e) Tương tự như phần d) rút gọn phân số $\frac{16}{36}$ được $\frac{4}{9}$. Để so sánh $\frac{4}{9}$ và $\frac{14}{27}$, chọn mẫu số chung là 27 rồi quy đồng mẫu số được $\frac{12}{27}$ và $\frac{14}{27}$, mà $\frac{12}{27} < \frac{14}{27}$, vậy $\frac{16}{36} < \frac{14}{27}$.

309. Chẳng hạn : a) $\frac{9}{8}$; b) $\frac{2}{5}$; c) $\frac{15}{15}$.

310. a) Ta có : $\frac{7}{9} = \frac{14}{18}$; $\frac{11}{18} < \frac{14}{18}$; $\frac{14}{18} < \frac{14}{15}$; nên các phân số $\frac{11}{18}$; $\frac{14}{15}$; $\frac{7}{9}$

viết theo thứ tự từ bé đến lớn là : $\frac{11}{18}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{14}{15}$.

b) Vì $\frac{8}{9} < 1$ còn $\frac{9}{5} > 1$; $\frac{15}{11} > 1$ nên chỉ cần so sánh $\frac{9}{5}$ và $\frac{15}{11}$; quy

đồng mẫu số được $\frac{99}{55}$ và $\frac{75}{55}$; mà $\frac{75}{55} < \frac{99}{55}$. Vậy các phân số $\frac{9}{5}$;

$\frac{8}{9}$; $\frac{15}{11}$ viết theo thứ tự từ bé đến lớn là : $\frac{8}{9}$; $\frac{15}{11}$; $\frac{9}{5}$.

311. DS :

a) $\frac{55}{63}$; $\frac{25}{24}$; $\frac{19}{27}$.

b) $\frac{11}{24}$; $\frac{1}{10}$; $\frac{1}{4}$.

c) $\frac{9}{5}$; $\frac{5}{7}$; $\frac{5}{16}$.

d) 2 ; $\frac{2}{3}$.

312. a) $\frac{2 \times 3 \times 8}{4 \times 5 \times 6 \times 7} = \frac{2 \times \cancel{3} \times \cancel{2} \times \cancel{4}}{\cancel{4} \times 5 \times \cancel{3} \times \cancel{2} \times 7} = \frac{2}{35}$.

b) $\frac{36 \times 22 \times 51}{11 \times 17 \times 72} = \frac{\cancel{36} \times \cancel{11} \times \cancel{2} \times \cancel{17} \times 3}{\cancel{11} \times \cancel{17} \times \cancel{36} \times \cancel{2}} = 3$.

313. a) 3 tạ = 30 yến

2 yến 8kg = 28kg

40 yến = 4 tạ

5 tạ 35kg = 535kg

5 tấn = 50 tạ

8000kg = 8 tấn

120 tạ = 12 tấn

4 tấn 45kg = 4045kg

b) 3 giờ = 180 phút

3 giờ 45 phút = 225 phút

360 giây = 6 phút

$\frac{1}{4}$ giờ = 15 phút

10 thế kỉ = 1000 năm

6000 năm = 60 thế kỉ

c) $800\text{cm}^2 = 8\text{dm}^2$

$7\text{m}^2 68\text{dm}^2 = 768\text{dm}^2$

$1200\text{dm}^2 = 12\text{m}^2$

$80\,000\text{cm}^2 = 8\text{m}^2$

$2\,000\,000\text{m}^2 = 2\text{km}^2$

$4\text{km}^2 400\text{m}^2 = 4\,000\,400\text{m}^2$

314. a) 3 tấn > 25 tạ

5 tấn 45kg = 5045kg

b) $\frac{1}{2}$ giờ < 45 phút

$\frac{3}{4}$ phút > 30 giây

c) $50\text{m}^2 - 40\text{dm}^2 > 5004\text{dm}^2$

$100\text{cm}^2 = \frac{1}{100}\text{m}^2$

315. a) $P = a \times 4$

b) $P = (a + b) \times 2$

$S = a \times a$

$S = a \times b$

c) $S = a \times h$

d) $S = \frac{m \times n}{2}$

316. HD : a) Có thể nêu một số đặc điểm chủ yếu và đã học như sau :

- Hình vuông và hình chữ nhật :

- Đều là hình tứ giác
- Đều có 4 góc vuông
- Đều có hai cặp cạnh đối diện song song và từng cặp cạnh đối diện bằng nhau
- Đều có các cạnh liên tiếp vuông góc với nhau.

Nhận xét : Hình vuông được coi là hình chữ nhật đặc biệt có chiều dài bằng chiều rộng.

- Hình chữ nhật và hình bình hành :

- Đều là hình tứ giác
- Đều có hai cặp cạnh đối diện song song và từng cặp cạnh đối diện bằng nhau.

Nhận xét : Hình chữ nhật được coi là hình bình hành đặc biệt có 4 góc vuông.

- Hình thoi và hình vuông :

- Đều là hình tứ giác
- Đều có các cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Nhận xét : Hình vuông được coi là hình thoi đặc biệt có 4 góc vuông.

b) Có thể nêu như sau :

– Hình vuông và hình chữ nhật khác nhau ở chỗ hình vuông có 4 cạnh bằng nhau, hình chữ nhật chỉ có hai chiều dài bằng nhau và hai chiều rộng bằng nhau.

– Hình chữ nhật khác hình bình hành ở chỗ : Hình chữ nhật có 4 góc vuông.

– Hình thoi khác hình vuông ở chỗ : Hình thoi (nói chung) không có các góc vuông.

317. Bài giải

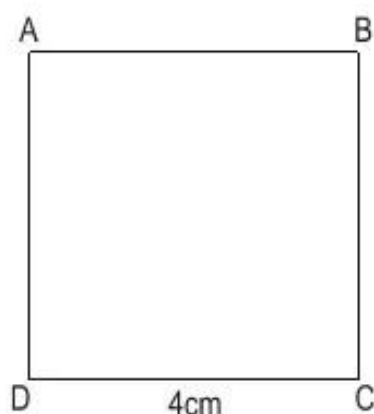
a) Chu vi hình vuông là :

$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình vuông là :

$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 16cm ; 16cm².



b) Chiều rộng của hình chữ nhật là :

$$6 \times \frac{2}{3} = 4 \text{ (cm)}$$

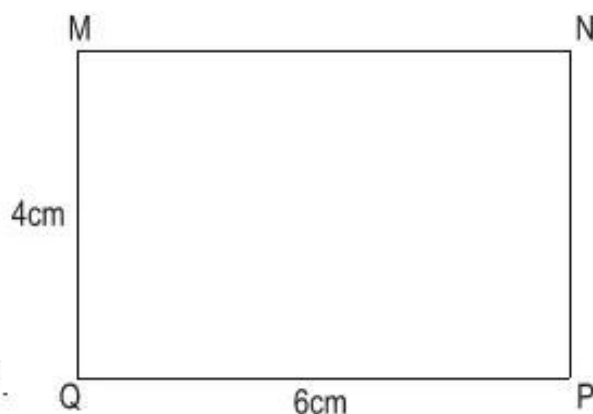
Chu vi hình chữ nhật là :

$$(6 + 4) \times 2 = 20 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là :

$$6 \times 4 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 20cm ; 24cm².



c) Chiều cao của hình bình hành là :

$$18 \times \frac{5}{9} = 10 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình bình hành là :

$$18 \times 10 = 180 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 180cm².

d) Độ dài đường chéo BD là :

$$20 \times \frac{3}{5} = 12 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình thoi ABCD là :

$$(20 \times 12) : 2 = 120 \text{ (cm}^2\text{)}$$

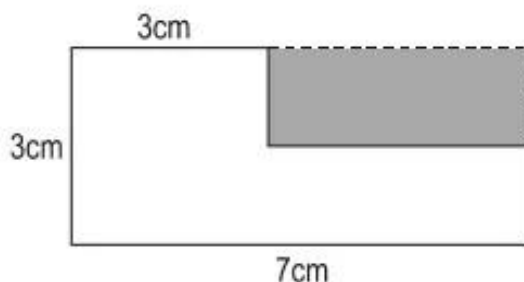
Đáp số: 120cm^2 .

318. Diện tích của phần tô đậm trong hình vẽ là 22cm^2 . Vây khoanh vào C.

Chú ý: Trên hình vẽ, diện tích phần tô đậm là hiệu diện tích của hai hình chữ nhật : hình chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 6cm, diện tích là $7 \times 6 = 42 \text{ (cm}^2\text{)}$ và hình chữ nhật có chiều dài là : $7 - 1 - 1 = 5 \text{ (cm)}$, chiều rộng là : $6 - 1 - 1 = 4 \text{ (cm)}$, diện tích là : $5 \times 4 = 20 \text{ (cm}^2\text{)}$. Như vậy, diện tích phần tô đậm là : $42 - 20 = 22 \text{ (cm}^2\text{)}$.

319. Chu vi của hình đã cho là 20cm.
Vây khoanh vào B.

Chú ý: Có thể giải thích bằng các cách khác nhau, chẳng hạn, có thể coi hình bên là do một hình chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 3cm cắt đi một hình chữ nhật ở góc phải.



Như thế, chu vi của hình đã cho trước bằng chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 7cm, chiều rộng 3cm, do đó chu vi của hình đã cho trước là : $(7 + 3) \times 2 = 20 \text{ (cm)}$.

320. Bài giải

$$15 \text{ tạ} = 1500\text{kg}$$

a) Tổng số ngày cửa hàng bán muối là :

$$4 + 6 = 10 \text{ (ngày)}$$

Trung bình mỗi ngày cửa hàng đã bán được là :

$$1500 : 10 = 150 \text{ (kg)}$$

b) Số ki-lô-gam muối cửa hàng bán được trong 6 ngày sau là :

$$1500 - 180 = 1320 \text{ (kg)}$$

Trong 6 ngày sau, trung bình mỗi ngày cửa hàng đã bán được là :

$$1320 : 6 = 220 \text{ (kg)}$$

$$220\text{kg} = 22 \text{ yến}$$

Đáp số: a) 150kg muối ;

b) 22 yến muối.

321. Bài giải

Nửa chu vi của công viên là :

$$1280 : 2 = 640 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của công viên là :

$$(640 - 160) : 2 = 240 \text{ (m)}$$

Chiều dài của công viên là :

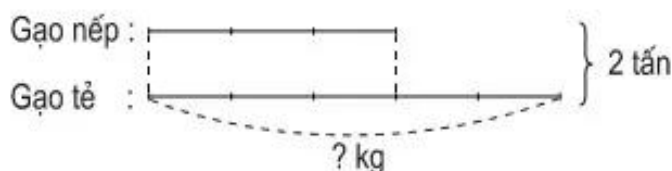
$$240 + 160 = 400 \text{ (m)}$$

Diện tích của công viên là :

$$400 \times 240 = 96000 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 96 000m².

322. Bài giải



$$2 \text{ tấn} = 2000\text{kg}$$

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là :

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Cửa hàng có số ki-lô-gam gạo tẻ là :

$$2000 : 8 \times 5 = 1250 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1250kg gạo tẻ.